

TỔNG QUAN LÝ THUYẾT VỀ Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

NGÔ THỊ THANH TIÊN

Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh - ngothithanhtien83@gmail.com

CAO QUỐC VIỆT

Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - vietcq@ueh.edu.vn

(Ngày nhận: 01/12/2015; Ngày nhận lại: 29/03/2016; Ngày duyệt đăng: 18/08/2016)

TÓM TẮT

Mục đích của bài nghiên cứu này là (1) tổng quan lý thuyết các nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trước đây; (2) phát hiện các khe hở nghiên cứu liên quan đến ý định khởi nghiệp; (3) đề xuất khung lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam. Kết quả tổng quan cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong các nghiên cứu trước được phân loại thành các nhóm yếu tố: chương trình giáo dục khởi nghiệp, môi trường tác động, động cơ, tính cách, tư duy, thái độ, giới tính.

Từ khóa: Chương trình giáo dục khởi nghiệp; động cơ khởi nghiệp; tính cách của sinh viên; tư duy, thái độ; ý định khởi nghiệp.

Literature review on students' entrepreneurial intention

ABSTRACT

The purpose of this study is (1) to provide an overview of the previous theories on factors affecting entrepreneurial intention, (2) to identify research gaps concerning the entrepreneurial intention of students, (3) and to propose a theoretical framework on the entrepreneurial intention of Vietnamese students. Findings show that the factors affecting entrepreneurial intention of students in the studies are categorized into groups of factors: entrepreneurship education program, environmental impact, motivation, traits, thinking, attitude, gender.

Keywords: Entrepreneurship education program; entrepreneurial motivation; Students' traits; thinking, attitude; entrepreneurial intention.

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều năm qua, lĩnh vực khởi nghiệp đang rất được các nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm, đặc biệt là nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của một cá nhân. Lee & cs (2006) cho rằng tinh thần khởi nghiệp được chú trọng ở nhiều quốc gia và được xem là cách thức để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Sobel & King (2008) nhận định khởi nghiệp là chìa khóa quan trọng để tăng trưởng kinh tế, chính vì vậy việc thúc đẩy giới trẻ khởi nghiệp là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà chính sách. Các hướng tiếp cận chính đến ý định khởi nghiệp gồm (1) chương trình giáo dục, (2) môi trường tác động và (3) bản thân

người học (động cơ, tính cách, tư duy, thái độ, giới tính).

Hướng thứ nhất, liên quan đến chương trình giáo dục, Astebro & cs (2012) cung cấp bằng chứng ở Mỹ cho thấy khởi nghiệp không chỉ là chương trình dành riêng cho sinh viên ngành kinh doanh mà nó còn là chương trình hết sức quan trọng đối với sinh viên thuộc khối khoa học tự nhiên, kỹ thuật và cả trong lĩnh vực nghệ thuật. Rae & Woodier-Harris (2013) cho rằng muốn doanh nghiệp có một nền tảng kiến thức tốt và quản lý doanh nghiệp thành công thì cần phải xây dựng chương trình học khởi nghiệp rộng rãi cho sinh viên, cung cấp cho họ kiến thức cần thiết để khởi nghiệp thành công và định hướng con

đường sự nghiệp đúng đắn. Huber & cs. (2014) phân tích hiệu quả của việc giáo dục khởi nghiệp sớm cho các trẻ em tiểu học ở Hà Lan và chứng minh rằng việc đầu tư sớm giáo dục khởi nghiệp cho trẻ em 11 hoặc 12 tuổi mang đến hiệu quả trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp. Ở mỗi quốc gia khác nhau đều có những nét đặc trưng riêng về văn hóa, kinh tế, chính trị, vì thế nghiên cứu giáo dục khởi nghiệp dựa trên những nét đặc trưng này sẽ góp phần đóng góp quan trọng cho lý thuyết và thực tiễn giáo dục đại học nói chung.

Hướng thứ hai liên quan đến các yếu tố môi trường, ví dụ như “sự ủng hộ của gia đình”, “tấm gương khởi nghiệp”, “văn hóa quốc gia”, “vốn xã hội”, “yếu tố xã hội” (Chand & Ghorbani, 2011), (Pruett & cs, 2009). Căn cứ trên kết quả từ các nghiên cứu trước cho thấy hướng tiếp cận này chưa có nhiều nghiên cứu kiểm định lặp lại.

Hướng tiếp cận thứ ba liên quan đến bản thân người học, các nghiên cứu trước tập trung khai thác động cơ người khởi nghiệp (Shane & cs, 2003); tính cách, (Obembe & cs, 2014), tư duy (Mathisen & Arnulf, 2013), thái độ (Boissin & cs, 2009), và giới tính (Maes & cs, 2014). Hướng tiếp cận này còn nhiều mâu thuẫn và chưa nhất quán về kết quả nghiên cứu, phần sau sẽ trình bày chi tiết về vấn đề này. Sau khi tổng quan lý thuyết, nghiên cứu này phân loại các nhóm yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên theo ba hướng tiếp cận trên. Từ những khoảng trống đang tồn tại, khung lý thuyết các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên được đề xuất thực hiện cho bối cảnh tại Việt nam.

2. Cơ sở lý thuyết

Ý định khởi nghiệp

Ý định khởi nghiệp có thể được định nghĩa là sự liên quan ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp (Souitaris & cs, 2007); là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch tạo lập doanh nghiệp (Gupta & Bhawe, 2007). Ý định khởi nghiệp của một cá nhân bắt nguồn từ việc họ nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn

lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình (Kuckertz & Wagner, 2010). Ý định khởi nghiệp của sinh viên xuất phát từ các ý tưởng của sinh viên và được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo (Schwarz & cs, 2009). Nghiên cứu này sử dụng định nghĩa ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Các lý thuyết nền:

Các lý thuyết nền khác nhau được các nghiên cứu trước sử dụng làm nền tảng cho các mối quan hệ giữa các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu này tổng kết được ba hướng tiếp cận dựa trên các nhóm lý thuyết nền.

Hai hướng tiếp cận đầu tiên có thể được suy diễn và giải thích bởi lý thuyết thể chế và các lý thuyết về văn hóa. Lý thuyết liên quan đến thể chế (institutional theory) được đề xuất bởi North, (1990) được sử dụng để giải thích cho mối quan hệ giữa chương trình giáo dục khởi nghiệp và các yếu tố thuộc nhóm môi trường. Thể chế góp phần hình thành nên các cấu trúc xã hội mà ở đó các tổ chức được vận hành thông qua các chính sách (Fligstein, 1997), do đó thể chế định hình các chính sách về giáo dục, kinh tế và luật pháp. Ở các xã hội mà các chính sách luật pháp rõ ràng, các nguồn lực vật chất, tri thức hỗ trợ cho sự hình thành doanh nghiệp được cung cấp đầy đủ, các doanh nghiệp sẽ có động lực lớn để hình thành và phát triển (Nguyen & cs, 2009). Lý thuyết các khuynh hướng văn hóa (Hofstede, 1980), thuyết giá trị (Schwartz & cs, 2001) có thể giải thích cho sự khác biệt về “văn hóa quốc gia” lên các mối quan hệ đề cập trong mô hình các yếu tố tác động đến dự định khởi nghiệp. Cốt lõi của văn hóa là giá trị, giá trị của mỗi cá nhân trong một xã hội thể hiện qua quan điểm, suy nghĩ, niềm tin và hành vi của họ (Hofstede & cs, 2010) và điều này có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ, ý định của sinh viên về khởi nghiệp.

Lý thuyết về các tính cách (traits theory) kết hợp với thuyết động cơ (Maslow, 1970); thuyết giá trị kết hợp thuyết hành vi hoạch định (Ajzen, 1991) được sử dụng để giải thích

cho mỗi quan hệ thuộc hướng tiếp cận thứ ba. Theo hướng tiếp cận này những tính cách khác nhau của mỗi cá nhân sẽ ảnh hưởng đến ý định hành vi của họ, do đó những tính cách khác nhau có thể ảnh hưởng đến dự định khởi nghiệp (Espíritu-Olmos & Sastre-Castillo, 2015), thái độ đối với khởi nghiệp ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên được đề xuất và kiểm định bởi (Boissin & cs, 2009; Wu & Wu, 2008).

Hướng tiếp cận thứ nhất: chương trình giáo dục và ý định khởi nghiệp của sinh viên

Aşkun & Yildirim (2011) đã chứng minh rằng các khóa học khởi nghiệp đã ảnh hưởng lớn đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, nghiên cứu của họ ủng hộ việc tạo lập doanh nghiệp thông qua chương trình giáo dục khởi nghiệp.

Hong & cs (2012) cho rằng chất lượng khởi nghiệp của sinh viên liên quan tới chương trình giáo dục khởi nghiệp vì nó làm giàu kiến thức về khởi nghiệp và làm phát triển các kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên. Trường đại học phải tập trung chú ý nhiều hơn nữa đến chương trình giáo dục khởi nghiệp của mình, tập trung vào các doanh nghiệp sinh viên, kết nối với xã hội, trao cho sinh viên nhiều cơ hội khởi nghiệp và phải chú trọng đến cơ hội thực tập và chạm thực tế của sinh viên (Hong & cs, 2012).

Với chủ đề huấn luyện khởi nghiệp thực tế, Taatila & Down (2012) kết luận sinh viên ở những chương trình đào tạo khác nhau có xu hướng khởi nghiệp khác nhau; sinh viên có trải nghiệm về doanh nghiệp có xu hướng khởi nghiệp cao hơn sinh viên chưa có trải nghiệm về doanh nghiệp; sinh viên xem khởi nghiệp là một nghề tích cực sẽ có xu hướng khởi nghiệp cao hơn sinh viên xem khởi nghiệp là một nghề tiêu cực. Kết quả này mâu thuẫn với kết quả nghiên cứu của Kuckertz & Wagner (2010) vì nhóm tác giả này chứng minh người chưa có va chạm thực tế về doanh nghiệp có xu hướng kiên định về khởi nghiệp cao hơn người đã có va chạm thực tế về doanh nghiệp. Trong khi đó, Dodescu & cs (2014) lại kết luận rằng thời gian thực tập thúc đẩy sinh viên ngành kinh tế khởi nghiệp.

Những mâu thuẫn về kết quả kể trên cho thấy cần phải đánh giá chương trình thực tập cuối năm thứ 4 bậc cử nhân của các ngành kinh doanh, thương mại... ở môi trường Việt Nam theo hướng nghiên cứu khám phá.

Khi xem xét sự tác động của “môi trường trường đại học” đến “ý định khởi nghiệp”, trong cùng năm 2009 có hai nghiên cứu cùng được công bố là nghiên cứu của Schwarz & cs (2009) và Turker & Selcuk (2009). Điểm chung của hai nhóm tác giả này khi đánh giá yếu tố “môi trường giáo dục” là xem xét môi trường giáo dục nói chung có khuyến khích ý tưởng, sáng kiến khởi nghiệp của sinh viên hay không (ví dụ: “*sự giáo dục của trường đại học mà tôi đang học khuyến khích tôi sáng tạo các ý tưởng khởi nghiệp*”) hoặc kiến thức, nội dung của môn học mang lại ý tưởng khởi nghiệp và kỹ năng cho sinh viên. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa hai nhóm tác giả này là trong khi Turker & Selcuk (2009) xem xét các bộ phận chức năng chuyên trách hỗ trợ cho ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên thì Schwarz & cs (2009) chú trọng bầu không khí sáng tạo trong giảng dạy và học tập tạo cảm hứng cho sinh viên khởi nghiệp.

Từ hai khái niệm nghiên cứu của hai nhóm tác giả, nghiên cứu này đề xuất tách hai khái niệm được đặt tên “đánh giá chương trình học” liên quan đến các nội dung như đánh giá của người học về kiến thức, kỹ năng mà họ nhận được thông qua quá trình học các môn học được rút trích từ nhóm Turker và “môi trường đại học” nói chung liên quan đến các chính sách của trường đại học, các phòng chức năng và bầu không khí của trường đại học thông qua các nội dung trong khái niệm của Schwarz & cs (2009). Nghiên cứu này đề xuất nên kiểm định mô hình ở bối cảnh Việt nam, mục đích là để sinh viên Việt nam (trường kỹ thuật và trường kinh doanh) đánh giá xem chương trình học hiện nay có khuyến khích ý định khởi nghiệp của họ hay không, nếu có thì ở mức độ nào và có bằng chứng thống kê cho mỗi quan hệ giữa chương trình giáo dục và ý định khởi nghiệp của sinh viên không?

Từ các kết quả nghiên cứu trước, có thể

thấy nhiều nghiên cứu tập trung vào chương trình giáo dục. Đối chiếu với bối cảnh Việt nam, chúng tôi nhận thấy ở Việt nam chưa có chương trình đào tạo khởi nghiệp chính thức. Vì vậy để người học đánh giá chương trình đào tạo quản trị ở các bậc (cử nhân, cao học) có ảnh hưởng như thế nào ý định khởi nghiệp của họ là hướng nghiên cứu đáng thực hiện. Giả thuyết đề xuất là “đánh giá chương trình học” dựa trên quan điểm của sinh viên càng tiêu cực thì “ý định khởi nghiệp” của họ càng giảm.

Hướng tiếp cận thứ hai: Môi trường và ý định khởi nghiệp

Pruett & cs. (2009) chứng minh “văn hóa/quốc gia”, “yếu tố xã hội”, “tầm gương điển hình trong khởi nghiệp”, “sự ủng hộ của gia đình”, “thiên hướng khởi nghiệp” *tác động tích cực* đến “ý định khởi nghiệp”.

Chand & Ghorbani (2011) cho rằng sự khác nhau về văn hóa quốc gia dẫn đến việc thành lập và quản lý doanh nghiệp theo những cách khác nhau (cách quản lý tài chính, cách kiểm soát, huấn luyện nhân viên...). Văn hóa quốc gia cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập và sử dụng vốn xã hội. Vì vậy, ở mỗi quốc gia khác nhau thì ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ khác nhau.

Sesen (2013) phân tích sâu hơn mô hình Schwarz ở khía cạnh các yếu tố môi trường bao gồm “thông tin kinh doanh”, “mối quan hệ xã hội” và “môi trường khởi nghiệp ở trường đại học”. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngoại trừ các yếu tố như “khả năng tiếp cận vốn”, “môi trường khởi nghiệp ở trường đại học”, các yếu tố còn lại như “thông tin kinh doanh”, “mối quan hệ xã hội”, “môi trường khởi nghiệp ở trường đại học” *tác động tích cực* đến “ý định khởi nghiệp”.

Nghiên cứu của Pablo-Lerchundi & cs. (2015) về sự ảnh hưởng của nghề nghiệp cha mẹ lên sự chọn lựa nghề nghiệp của con cái đã đưa ra kết luận: cha mẹ tự kinh doanh là tấm gương điển hình về khởi nghiệp và thúc đẩy ý định khởi nghiệp, cha mẹ làm việc cho các khu vực công không phải là tấm gương khởi nghiệp cho con và cản trở ý định khởi

ngiệp. Chưa thấy các nghiên cứu tiếp theo kiểm định điều này.

Các kết quả trên cho thấy môi trường tác động đến ý định khởi nghiệp ở mỗi quốc gia rất khác nhau. Văn hóa, chính trị, cơ chế chính sách khác biệt nhau giữa các quốc gia cũng có thể dẫn đến ý định khởi nghiệp khác biệt nhau của sinh viên. Nghiên cứu này đề xuất hướng nghiên cứu tiếp cận tất cả các yếu tố môi trường cho bối cảnh thực hiện tại Việt nam.

Hướng tiếp cận thứ ba: bản thân người khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của họ

Liên quan đến hướng tiếp cận này, các nghiên cứu trước khai thác các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên ví dụ như động cơ, tính cách, tư duy, thái độ và giới tính của họ.

Về động cơ

Shane & cs (2003) đã đề xuất các nhóm yếu tố thuộc động cơ có khả năng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp như “nhu cầu thành đạt”, “khao khát được độc lập”, “đạt được mục tiêu”. Từ quan điểm của Shane, Brandstätter (2011) và Arasteh & cs (2012) chứng minh yếu tố “nhu cầu thành đạt” có *ảnh hưởng tích cực* đến việc tạo lập doanh nghiệp và kinh doanh thành công. Ghasemi & cs (2011) cho thấy rằng có *mối quan hệ cùng chiều* giữa “nhu cầu thành đạt”. Tuy nhiên, nghiên cứu của Sesen (2013) không cung cấp bằng chứng thống kê để chứng minh “nhu cầu thành đạt” ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ. Khoảng trống nghiên cứu này cho thấy nên kiểm định mối quan hệ này ở bối cảnh Việt Nam.

Về tính cách

Shane & cs (2003) đề xuất các tính cách như “chấp nhận rủi ro”, “niềm tin vào năng lực bản thân”, “kiểm soát bản thân”, “chịu đựng sự mơ hồ”, “đam mê”, “nỗ lực”, “có tầm nhìn” có mối quan hệ với ý định khởi nghiệp của sinh viên. Mô hình Brandstätter (2011) cho kết quả “sẵn sàng đổi mới”, “chủ động”, “niềm tin vào năng lực bản thân”, “chịu được áp lực”, “nhu cầu tự chủ”, “kiểm soát bản thân” có *ảnh hưởng tích cực* đến việc tạo lập doanh nghiệp và “kinh doanh thành công”.

Nghiên cứu của Ghasemi & cs (2011) cho thấy có *mối quan hệ cùng chiều* giữa các yếu tố tính cách “sáng tạo” (bao gồm “thành thạo công việc” và “khởi xướng” có ảnh hưởng tích cực đến “ý định khởi nghiệp”. Kết quả của Arasteh & cs (2012) cho thấy yếu tố “chịu đựng sự mơ hồ” *không tác động* đến “ý định khởi nghiệp”. Heydari & cs (2013) lại cho kết quả ngược lại. Sesen (2013) đã kiểm định và đưa ra các yếu tố thuộc về tính cách ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp là các yếu tố “kiểm soát bản thân” và “niềm tin vào năng lực bản thân”.

Ở Việt nam, nghiên cứu của Nguyen & Phan, (2014) cho thấy có sự khác biệt về các nhóm tính cách khác nhau đối với các nhóm khảo sát như doanh nhân, nhân viên và sinh viên. Kết quả cho thấy “nhiệt tình”, “tư duy cởi mở”, “trách nhiệm”, “chân thành” là những tính cách mà một người khởi nghiệp trẻ cần có.

Từ các kết quả nghiên cứu trước, nghiên cứu này đề xuất tiếp tục xem xét và kiểm định mối quan hệ giữa “chịu đựng sự mơ hồ” và “ý định khởi nghiệp” vì kết quả nghiên cứu còn nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, các yếu tố thuộc nhóm tính cách khác cũng nên cân nhắc kiểm định ở bối cảnh Việt nam vì chưa có bằng chứng khẳng định tính cách của sinh viên Việt nam cũng tương tự như tính cách của sinh viên các quốc gia khác và liệu tính cách của họ có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của họ hay không.

Về tư duy

Haynie & cs (2010, tr 218) định nghĩa “*tư duy khởi nghiệp là khả năng trở nên năng động, linh hoạt và tự điều chỉnh trong nhận thức của một người để thích ứng với môi trường không chắc chắn và năng động*”. Nhóm tác giả đề xuất mô hình nhận thức tổng hợp về tư duy khởi nghiệp trong đó minh họa mối quan hệ giữa tư duy khởi nghiệp và hành động khởi nghiệp. Dựa trên đề xuất này, Mathisen & Arnulf (2013) phát triển khái niệm nghiên cứu “tư duy khởi nghiệp” gồm hai thành phần, thành phần “*tư duy cân trọng*” và “*tư duy hành động*”. Tư duy là quá trình

đánh giá lại nhận thức do đó “*tư duy cân trọng*” là quá trình cân nhắc mặt ưu và nhược của ước muốn và khả năng thực hiện ước muốn; “*tư duy hành động*” là tư duy xác định mục tiêu, đề ra chiến lược/kế hoạch và các bước tiến hành để thực hiện mục tiêu (Mathisen & Arnulf, 2013). Kết quả nghiên cứu cho thấy “*tư duy hành động*” có tác động tích cực đến việc thành lập công ty của người khởi nghiệp. Tuy nhiên, không có bằng chứng thống kê cho thấy “*tư duy cân trọng*” có tác động tiêu cực đến số lượng công ty được thành lập của sinh viên. Nghiên cứu của nhóm Mathisen sử dụng biến phụ thuộc là số lượng công ty được thành lập của sinh viên (thang đo từ 0 đến 3). Kể từ khi công bố kết quả chưa thấy các nghiên cứu kiểm định lặp lại các mối quan hệ này. Một số lý do giải thích cho vấn đề này như sau:

Thứ nhất, mô hình nhóm Mathisen sử dụng biến phụ thuộc là biến khẳng định số lượng doanh nghiệp đã được các sinh viên thành lập. Biến phụ thuộc này rất khó được tiến hành nghiên cứu lặp lại ở môi trường khác vì không phải bất kỳ quốc gia nào, sinh viên cũng thành lập doanh nghiệp cho riêng họ ngay từ khi còn đi học hoặc ngay khi tốt nghiệp.

Thứ hai, phân tích kỹ nội dung đo lường của thang đo “*tư duy hành động*” mà các tác giả sử dụng, có thể nhận ra rằng thang đo này là một biến thể của thang đo “*ý định khởi nghiệp*” mà các tác giả khác sử dụng, một số điểm giống và khác được rút ra:

Về điểm giống, cả hai thang đo đều là các phát biểu khẳng định của đối tượng phỏng vấn (sinh viên) về ý định, thái độ sẽ thành lập một doanh nghiệp của riêng họ trong tương lai.

Về điểm khác, thang đo “*tư duy hành động*” là một tổ hợp của các hành động đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến việc quyết định thành lập doanh nghiệp và có kế hoạch làm thế nào và khi nào doanh nghiệp sẽ được thành lập. Về bản chất, nội dung của các phát biểu này vẫn dừng ở ý định hành vi chứ chưa phải là hành vi thật sự. Tuy nhiên có thể thấy mức độ khẳng định của các phát biểu cao hơn so với các phát biểu của thang đo “*ý định khởi*

nghiệp”. Điểm khác tiếp theo là phát biểu mang tính đánh giá cơ hội khởi nghiệp trong thang đo tư duy hành động. Đánh giá cơ hội khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Việc ghép hai nội dung này vào chung một thang đo lường có thể ảnh hưởng về độ giá trị (validity) của thang đo.

Như vậy, phân tích trên cho thấy cần phải kiểm định lại giá trị của các thang đo mà các tác giả đã công bố ở các thị trường khác nhau. Nếu giá trị của thang đo được khẳng định, có thể dùng thang đo “tư duy hành động” để thay thế cho thang đo “ý định khởi nghiệp” trong các mô hình liên quan đến mối quan hệ giữa thái độ và hành vi.

Về thái độ

Dựa trên nền lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) của Ajzen, (1991); các nghiên cứu trước xây dựng mô hình các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Mô hình Wu & Wu (2008) cho thấy “thái độ hướng đến khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” đều tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp” của sinh viên, tuy nhiên không có bằng chứng thống kê chứng minh “chuẩn chủ quan” tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp”. Kết quả này tiếp tục được khẳng định ở nghiên cứu của nhóm Boissin. Mô hình Boissin & cs (2009) khi kiểm định và so sánh ở hai thị trường Mỹ và Pháp cho thấy “thái độ hướng đến khởi nghiệp” và “đánh giá hiệu quả bản thân”¹ đều tác động tích cực đến “dự định khởi nghiệp” của sinh viên, tuy nhiên không có bằng chứng thống kê cho thấy “chuẩn chủ quan” tác động tích cực đến “dự định khởi nghiệp” ở cả hai thị trường.

Schwarz & cs (2009) tách các thành phần của thái độ thành các thành phần như “thái độ đối với sự thay đổi”, “thái độ đối với tiền”, “thái độ đối với sự cạnh tranh” và “thái độ đối với khởi nghiệp” có tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp”. Kết quả cho thấy, không có bằng chứng thống kê để chấp nhận mối quan hệ giữa “thái độ đối với sự cạnh tranh” đến “ý định khởi nghiệp”. Các giả thuyết còn

lại được chấp nhận.

Yurtkoru & cs (2014) cho kết quả “thái độ đối với khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” có tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp”. Khác với các nghiên cứu trước, mô hình Yurtkoru xem xét “chuẩn chủ quan” là yếu tố tác động đến “thái độ đối với khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi”. Kết quả cho thấy có mối quan hệ cùng chiều giữa “chuẩn chủ quan” và “thái độ đối với khởi nghiệp” cũng như “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi”. Ngoài ra, Yurtkoru kiểm định lại yếu tố “sự hỗ trợ của giáo dục” và “sự hỗ trợ của chính sách kinh tế, xã hội” từ nghiên cứu của nhóm Turker & Selcuk, (2009) tác động cùng chiều lên “thái độ đối với khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi”. Kết quả cho thấy sự khác biệt khi “sự hỗ trợ của giáo dục” có tác động cùng chiều đến “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” nhưng không có bằng chứng thống kê sự tác động đến “thái độ đối với khởi nghiệp”. Giả thuyết cho tác động của “sự hỗ trợ của chính sách kinh tế, xã hội” lên “thái độ đối với khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” bị bác bỏ.

Từ kết quả các nghiên cứu trước, nghiên cứu này rút ra các “khoảng trống” đang còn tồn tại khi xem xét mô hình TPB trong sự ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thuộc môi trường hỗ trợ như “môi trường đại học” và “chính sách kinh tế, xã hội”, “các rào cản” như sau:

Thứ nhất, các nghiên cứu cho thấy sự ổn định của yếu tố “thái độ hướng đến khởi nghiệp” và “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” đều tác động tích cực đến “ý định khởi nghiệp”. Tuy nhiên, khi tách các thành phần của nhóm “thái độ” thành các thành phần riêng lẻ, các kết quả lại có sự thiếu nhất quán chẳng hạn như kết quả nghiên cứu của Schwarz & cs, (2009). Chưa thấy nghiên cứu kiểm định các mối quan hệ này được công bố. Vì vậy các nghiên cứu tiếp theo nên chú ý hướng tiếp cận này.

Thứ hai, nghiên cứu của Autio & cs (2001); Krueger Jr. & Reilly (2000) cho thấy

mối quan hệ cùng chiều giữa “chuẩn chủ quan” lên “ý định khởi nghiệp” thì các nghiên cứu sau đó không ủng hộ cho mối tác động này ví dụ như (Boissin & cs, 2009); ngoài ra, nghiên cứu của Fernández-Pérez & cs (2015) còn cho kết quả ngược với các kết quả trước. Như vậy, kiểm định lại mối quan hệ này có vai trò quan trọng trong việc khẳng định tính giá trị và khái quát hóa của lý thuyết.

Về giới tính

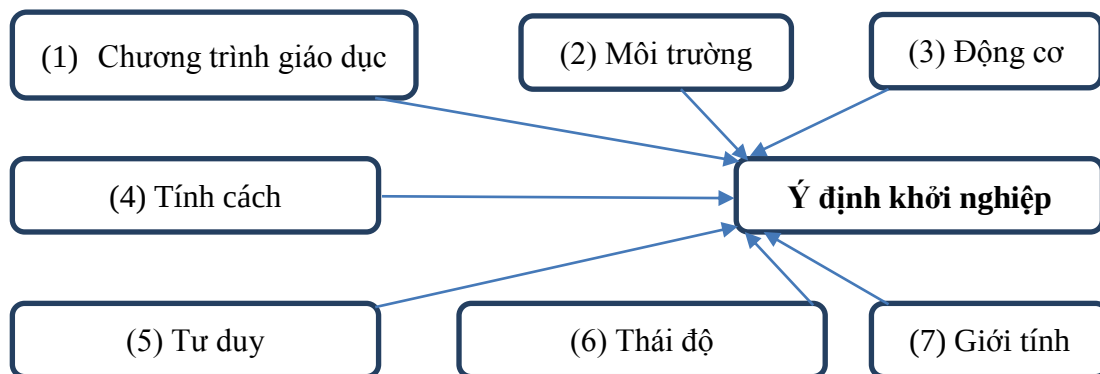
Nghiên cứu của nhóm Sullivan & Meek, (2012), Zhang & cs (2009) cho thấy khi so sánh với nam, nữ sẽ có mức ảnh hưởng cao hơn trong ý định khởi nghiệp. Nicolaou & Shane (2010) kết luận rằng không có sự khác nhau giữa ý định khởi nghiệp của nam và nữ.

Maes & cs (2014) chứng minh thái độ cá nhân giải thích ý định khởi nghiệp của nữ yếu

hơn của nam; sự kiểm soát hành vi giải thích ý định khởi nghiệp của nữ yếu hơn của nam; vì phụ nữ khởi nghiệp mong muốn cân bằng các giá trị xã hội hơn nam (dành thời gian nhiều hơn cho gia đình, con cái...) nên phụ nữ trong khởi nghiệp ít thành tựu hơn nam. Như vậy, có sự mâu thuẫn rõ ràng trong kết quả của các nghiên cứu về giới tính ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu này đề xuất nên xem xét vai trò của giới tính ảnh hưởng đến “ý định khởi nghiệp” của sinh viên nam và nữ Việt Nam cần được nghiên cứu thêm.

Căn cứ trên tài liệu thu thập hiện có, nghiên cứu này đề xuất khung lý thuyết liên quan đến các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên:

Khung lý thuyết đề xuất:



3. Kết luận và đề xuất

Với khung lý thuyết đề xuất ở trên, các nghiên cứu tiếp theo có thể cân nhắc kiểm định theo từng nhóm yếu tố khác nhau hoặc ghép từng phần nhỏ các yếu tố trên cơ sở suy diễn từ các lý thuyết nền. Tuy nhiên, nghiên cứu định tính nên được thực hiện trước để khám phá và điều chỉnh mô hình. Góc nhìn đa chiều khai thác các quan điểm, thái độ của người học, người xây dựng chương trình học và người trực tiếp giảng dạy có thể mang lại nhiều khám phá mới cho mô hình nghiên cứu.

Đối với biến phụ thuộc, bên cạnh khái niệm “ý định khởi nghiệp” nên thử dùng khái niệm “tư duy hành động” thay thế. Mức độ khẳng định về ý định hành vi xét về giá trị nội

dung của thang đo rõ ràng tốt hơn, tuy nhiên cần xác định giá trị và độ tin cậy ở nhiều bối cảnh khác nhau.

Đối với nhóm yếu tố thuộc hướng tiếp cận thứ nhất, chương trình giáo dục khởi nghiệp; các kết quả nghiên cứu trước cho thấy chương trình giáo dục càng cụ thể, sinh viên càng được định hướng khởi nghiệp tốt. Điều này mang hàm ý, cần cân nhắc xây dựng một chương trình giáo dục khởi nghiệp hoàn chỉnh, phổ biến cho tất cả các sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước và chương trình này nên tách rời khỏi chương trình đào tạo kinh doanh truyền thống. Sau khi thử nghiệm chương trình, nên đánh giá hiệu quả hàng năm. Thêm vào đó, nhà trường cần

phối hợp với các chương trình huấn luyện khởi nghiệp thực tế từ các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp để thúc đẩy sinh viên khởi tạo doanh nghiệp, biến ý tưởng kinh doanh thành hiện thực.

Các yếu tố thuộc nhóm tiếp cận thứ hai: môi trường tác động đến ý định khởi nghiệp ở mỗi quốc gia rất khác nhau. Văn hóa, chính trị, cơ chế chính sách khác biệt nhau giữa các quốc gia cũng có thể dẫn đến ý định khởi nghiệp khác biệt của sinh viên. Bên cạnh đó các nhóm yếu tố này cũng có thể ảnh hưởng khác nhau đến thái độ, niềm tin của họ. Nghiên cứu mối quan hệ này có thể giúp nhà quản lý giáo dục điều chỉnh các chính sách thích ứng linh hoạt hơn.

Về hướng tiếp cận thứ ba, bản thân người khởi nghiệp; không có gì đảm bảo chắc chắn rằng các cá nhân càng có nhiều “nhu cầu thành đạt”, “khao khát độc lập”, “khao khát

đạt được mục tiêu”... thì họ sẽ càng có nhiều động cơ khởi nghiệp nhất là ở bối cảnh Việt Nam, người học chịu nhiều ảnh hưởng của gia đình, những người xung quanh và kể cả chương trình giáo dục. Điều này có nghĩa là động cơ khởi nghiệp của họ có thể bị chi phối bởi các yếu tố tác động khác. Các nghiên cứu tiếp theo nên đánh giá điều này.

Các yếu tố còn lại như tính cách cá nhân, thái độ đối với khởi nghiệp...có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các quốc gia trên thế giới. Cần thiết phải đánh giá các yếu tố này trong bối cảnh Việt Nam. Việc làm này hết sức quan trọng vì một sinh viên không xác định rõ ràng mục tiêu học tập, mục tiêu phải trở thành con người như thế nào trong tương lai, không biết mình cần gì, muốn gì thì nhiệm vụ của chương trình giáo dục nói chung và giáo dục khởi nghiệp nói riêng là phải giúp họ nhận biết được điều đó■

Lời cảm ơn:

Các tác giả cảm ơn những nhận xét, đánh giá của các phản biện để phiên bản bài báo ngày càng rõ ràng, xúc tích.

Chú thích:

¹ Biến này được Boissin cho rằng tương đồng với biến “đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi” (perceived behavioral control)

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211. doi:10.1016/0749-5978(91)90020-T
- Arasteh, H., Enayati, T., Zameni, F., & Khademloo, A. (2012). Entrepreneurial Personality Characteristics of University Students: A Case Study. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 46, 5736–5740. doi:10.1016/j.sbspro.2012.06.507
- Aşkun, B., & Yildirim, N. (2011). Insights on entrepreneurship education in public universities in Turkey: Creating entrepreneurs or not? *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 24, 663–676. doi:10.1016/j.sbspro.2011.09.050
- Åstebro, T., Bazzazian, N., & Braguinsky, S. (2012). Startups by recent university graduates and their faculty: Implications for university entrepreneurship policy. *Research Policy*, 41(4), 663–677. doi:10.1016/j.respol.2012.01.004
- Autio, E., H. Keeley, R., Klofsten, M., G. C. Parker, G., & Hay, M. (2001). Entrepreneurial Intent among Students in Scandinavia and in the USA. *Enterprise and Innovation Management Studies*, 2(2), 145–160. doi:10.1080/14632440110094632
- Boissin, J.-P., Branchet, B., Emin, S., & Herbert, J. I. (2009). Students and Entrepreneurship: A Comparative Study of France and the United States. *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 22(2), 101–122. doi:10.1080/08276331.2009.10593445
- Brandstätter, H. (2011). Personality aspects of entrepreneurship: A look at five meta-analyses. *Personality and Individual Differences*, 51(3), 222–230. doi:10.1016/j.paid.2010.07.007

- Chand, M., & Ghorbani, M. (2011). National culture, networks and ethnic entrepreneurship: A comparison of the Indian and Chinese immigrants in the US. *International Business Review*, 20(6), 593–606. doi:10.1016/j.ibusrev.2011.02.009
- Dodescu, A. O., Pop-Cohuț, I. C., & Chirilă, L. F. (2014). Do Practice Stages Encourage Students in Economics to Practice Entrepreneurship? Practeam Project. *Procedia Economics and Finance*, 15(14), 1083–1090. doi:10.1016/S2212-5671(14)00560-7
- Espíritu-Olmos, R., & Sastre-Castillo, M. a. (2015). Personality traits versus work values: Comparing psychological theories on entrepreneurial intention. *Journal of Business Research*. doi:10.1016/j.jbusres.2015.02.001
- Fligstein, N. (1997). Social Skill and Institutional Theory. *American Behavioral Scientist*, 40(4), 397–405. doi:10.1177/0002764297040004003
- Ghasemi, F., Rastegar, A., Jahromi, R. G., & Marvdashti, R. R. (2011). The relationship between creativity and achievement motivation with high school students' entrepreneurship. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 30, 1291–1296. doi:10.1016/j.sbspro.2011.10.250
- Gupta, V. K., & Bhawe, N. M. (2007). The Influence of Proactive Personality and Stereotype Threat on Women's Entrepreneurial Intentions. *Journal of Leadership & Organizational Studies*, 13(4), 73–85. doi:10.1177/10717919070130040901
- Haynie, J. M., Shepherd, D., Mosakowski, E., & Earley, P. C. (2010). A situated metacognitive model of the entrepreneurial mindset. *Journal of Business Venturing*, 25(2), 217–229. doi:10.1016/j.jbusvent.2008.10.001
- Heydari, H., Madani, D., & Rostami, M. (2013). The Study of the Relationships Between Achievement Motive, Innovation, Ambiguity Tolerance, Self-Efficacy, Self-Esteem, and Self- Actualization, with the Orientation of Entrepreneurship in the Islamic Azad University of Khomein Students. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 84, 820–826. doi:10.1016/j.sbspro.2013.06.654
- Hofstede, G. (1980). *Culture's Consequences: International Differences in Work - related Values*. Beverly Hills, CA: SAGE Publications Ltd. Retrieved from <https://us.sagepub.com/en-us/nam/cultures-consequences/book665>
- Hofstede, G., Hofstede, G. J., & Minkov, M. (2010). *Cultures and Organizations: Software of the Mind* (3rd ed.). New York: McGraw - Hill. doi:10.1007/s11569-007-0005-8
- Hong, Z., Hong, T., Cui, Z., & Luzhuang, W. (2012). Entrepreneurship Quality of College Students Related to Entrepreneurial Education. *Energy Procedia*, 17, 1907–1913. doi:10.1016/j.egypro.2012.02.331
- Huber, L. R., Sloof, R., & Van Praag, M. (2014). The effect of early entrepreneurship education: Evidence from a field experiment. *European Economic Review*, 72, 76–97. doi:10.1016/j.euroecorev.2014.09.002
- Krueger Jr., N. F., & Reilly, M. D. (2000). Competing Models of Entrepreneurial Intentions. *Journal of Business Venturing*, 15(5/6), 411. doi:10.1016/S0883-9026(98)00033-0
- Kuckertz, A., & Wagner, M. (2010). The influence of sustainability orientation on entrepreneurial intentions - Investigating the role of business experience. *Journal of Business Venturing*, 25(5), 524–539. doi:10.1016/j.jbusvent.2009.09.001
- Lee, S. M., Lim, S. B., Pathak, R. D., Chang, D., & Li, W. (2006). Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi-country study. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3), 351–366. doi:10.1007/s11365-006-0003-2
- Maes, J., Leroy, H., & Sels, L. (2014). Gender differences in entrepreneurial intentions: A TPB multi-group analysis at factor and indicator level. *European Management Journal*, 32(5), 784–794. doi:10.1016/j.emj.2014.01.001
- Maslow, A. H. (1970). Unmotivated Behaviour. In *Motivation and Personality*. (3rd ed., pp. 62–72). New York: Longman. doi:10.1037/h0039764
- Mathisen, J. E., & Arnulf, J. K. (2013). Competing mindsets in entrepreneurship: The cost of doubt. *International Journal of Management Education*, 11(3), 132–141. doi:10.1016/j.ijme.2013.03.003
- Nguyen, M., & Phan, A. (2014). Entrepreneurial Traits and Motivations of the Youth – an Empirical Study in Ho Chi Minh City – Vietnam. *International Journal of Business and Social Science*, 5(1), 53–62.

- Nguyen, T. V., Bryant, S. E., Rose, J., Tseng, C.-H., & Kapasuwan, S. (2009). Cultural Values, Market Institutions, and Entrepreneurship Potential: a Comparative Study of the United States, Taiwan, and Vietnam. *Journal of Developmental Entrepreneurship*, 14(01), 21–37. doi:10.1142/S1084946709001120
- Nicolaou, N., & Shane, S. (2010). Entrepreneurship and occupational choice: Genetic and environmental influences. *Journal of Economic Behavior & Organization*, 76(1), 3–14. doi:10.1016/j.jebo.2010.02.009
- North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. *Institutions, Institutional Change and Economic Performance* (1st ed.). Cambridge: Cambridge University Press. doi:10.2307/2234910
- Obembe, E., Otesile, O., & Ukpong, I. (2014). Understanding the students' perspectives towards entrepreneurship. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 145, 5–11. doi:10.1016/j.sbspro.2014.06.005
- Pablo-Lerchundi, I., Morales-Alonso, G., & González-Tirados, R. M. (2015). Influences of parental occupation on occupational choices and professional values. *Journal of Business Research*. doi:10.1016/j.jbusres.2015.02.011
- Pruett, M., Shinnar, R., Toney, B., Llopis, F., & Fox, J. (2009). Explaining entrepreneurial intentions of university students: a cross-cultural study. *International Journal of Entrepreneurial Behaviour & Research*, 15(6), 571–594. doi:10.1108/13552550910995443
- Rae, D., & Woodier-Harris, N. R. (2013). How does enterprise and entrepreneurship education influence postgraduate students' career intentions in the New Era economy? *Education + Training*, 55(8/9), 926–948. doi:10.1108/ET-07-2013-0095
- Schwartz, S. H., Melech, G., Lehmann, a., Burgess, S., Harris, M., & Owens, V. (2001). Extending the Cross-Cultural Validity of the Theory of Basic Human Values with a Different Method of Measurement. *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 32(5), 519–542. doi:10.1177/0022022101032005001
- Schwarz, E. J., Wdowiak, M. a., Almer-Jarz, D. a., & Breitenacker, R. J. (2009). The effects of attitudes and perceived environment conditions on students' entrepreneurial intent: An Austrian perspective. *Education + Training*, 51(4), 272–291. doi:10.1108/00400910910964566
- Sesen, H. (2013). Personality or environment? A comprehensive study on the entrepreneurial intentions of university students. *Education + Training*, 55(7), 624–640. doi:10.1108/ET-05-2012-0059
- Shane, S., Locke, E. a., & Collins, C. J. (2003). Entrepreneurial motivation. *Human Resource Management Review*, 13(2), 257–279. doi:10.1016/S1053-4822(03)00017-2
- Sobel, R. S., & King, K. a. (2008). Does school choice increase the rate of youth entrepreneurship? *Economics of Education Review*, 27(4), 429–438. doi:10.1016/j.econedurev.2007.01.005
- Souitaris, V., Zerbinati, S., & Al-Laham, A. (2007). Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources. *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566–591. doi:10.1016/j.jbusvent.2006.05.002
- Sullivan, D. M., & Meek, W. R. (2012). *Gender and entrepreneurship: a review and process model*. *Journal of Managerial Psychology* (Vol. 27). doi:10.1108/02683941211235373
- Taatila, V., & Down, S. (2012). Measuring entrepreneurial orientation of university students. *Education + Training*, 54(8), 744–760. doi:10.1108/00400911211274864
- Turker, D., & Selcuk, S. S. (2009). Which factors affect entrepreneurial intention of university students? *Journal of European Industrial Training*, 33(2), 142–159. doi:10.1108/03090590910939049
- Wu, S., & Wu, L. (2008). The impact of higher education on entrepreneurial intentions of university students in China. *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 15(4), 752–774. doi:10.1108/14626000810917843
- Yurtkoru, E. S., Ku?cu, Z. K., & Do?anay, A. (2014). Exploring the Antecedents of Entrepreneurial Intention on Turkish University Students. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 150, 841–850. doi:10.1016/j.sbspro.2014.09.093
- Zhang, Z., Zyphur, M. J., Narayanan, J., Arvey, R. D., Chaturvedi, S., Avolio, B. J., ... Larsson, G. (2009). The genetic basis of entrepreneurship: Effects of gender and personality. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 110(2), 93–107. doi:10.1016/j.obhdp.2009.07.002